

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 6 năm 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Việt Khái.
Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 188/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Chúc M (Lê Chúc M), sinh năm 1975 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã PT, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Liên Văn T (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã PT, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Chúc M (Lê Chúc M) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện P, tỉnh Cà Mau vào ngày 28/8/2013. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu về hành hạ, đánh đập chị nhiều lần, chị có báo chính quyền địa phương. Hiện chị đã ly thân với anh T từ tháng 9/2021 đến nay. Xét thấy đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Liên Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có một người con chung tên Liên Nhật Hào, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2015. Sau khi ly thân, chị Mãi bế con về nhà mẹ ruột để chăm lo cho con, trong tháng 10/2021 anh T có đến nhà hỏi mượn cháu về chơi sau đó giữ cháu lại đến nay, chị đã nhiều lần đến bế cháu về nhưng anh T không đồng ý. Hiện tại chị đang canh tác khoảng 20.000m² đất

nuôi tôm mỗi tháng thu nhập 5.000.000đ, cho anh Trần Văn Sơn thuê nền nhà tại ấp Vàm Đình, xã PT, huyện P mỗi năm là 70.000.000đ. Ngoài ra chị còn các tài sản như: Phần đất có diện tích 18.428,4m², phần đất có diện tích 1.606m² và phần đất có diện tích 5.840m² các phần đất tọa lạc tại ấp Vàm Đình, xã PT, huyện P. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Liên Nhật Hào, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Liên Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thừa nhận hôn nhân, đăng ký kết hôn đúng như chị M trình bày, anh cho rằng quá trình chung sống anh luôn quan tâm lo lắng cho gia đình, đi làm kiếm tiền về đưa cho vợ quản lý, nhưng chị M sử dụng tiền anh không biết nên xảy ra mâu thuẫn. Anh thừa nhận có đánh vợ nhưng sau khi đánh vợ anh có xin lỗi. Anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Có một con chung như chị M trình bày, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Anh cho rằng anh có đủ điều kiện nuôi con, anh có cung cấp cho Tòa biên bản họp gia đình cha, mẹ anh cho anh 6,5 công đất tầm lớn, tọa lạc ấp Chà Là, xã PT, huyện P (chưa có xác nhận của chính quyền địa phương), về thu nhập khoảng 600.000đ/ngày bao gồm làm thuê, làm ruộng, đặt lú sông, chạy xe ôm.

Về tài sản, nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị M là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Chúc M (Mãi) cho chị Lê Chúc M được ly hôn với anh Liên Văn T. Giao con chung Liên Nhật H, sinh ngày 14/01/2015 cho bà Mãi nuôi dưỡng, ông Tiễn không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Nội dung tranh chấp giữa chị Lê Chúc M và anh Liên Văn T được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh T có nơi cư trú tại Ấp C, xã PT, huyện P, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Liên Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự

kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Liên Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện P, tỉnh Cà Mau vào ngày 28/8/2013 nên hôn nhân của chị M và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống chị M cho rằng anh T không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu về đánh đập chị nhiều lần nay chị M yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị M cho rằng anh T đánh đập chị là có thật, việc này đã được anh T thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 16/12/2021, chính quyền địa phương cũng đã xác nhận anh T đánh chị M rất nhiều lần, có lần dùng dao, búa rượt chị M (BL35) nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này sẽ làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của chị M. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh T, chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Nhận thấy, chị M và anh T có một người con chung, ai cũng yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu này là chính đáng, phù hợp với pháp luật. Về điều kiện nuôi con: Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa chị M cung cấp bảng kê thu nhập có xác nhận của chính quyền địa Phương. Hiện chị đang canh tác khoảng 20.000m² đất nuôi tôm, cho thu nhập mỗi tháng là 5.000.000đ và cho thuê nền nhà mỗi năm 70.000.000 đ và sở hữu nhiều tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Vàm Đình, xã PT, huyện P cho thấy chị M có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con. Đồng thời, tại thời điểm chị M về sống chung với mẹ ruột có bé cháu Hào theo, sau đó anh T đến xin chị được đưa cháu về nhà anh chơi, chị M đồng ý. Anh T đưa cháu Hào về nhà anh chơi và giữ cháu lại không giao chị M, mặc dù chị M đã nhiều lần đến nhà yêu cầu anh T giao cháu Hào lại cho chị nhưng anh T không đồng ý, điều này cho thấy chị M rất mong muốn được nuôi con.

Đối với anh T, quá trình tham gia tố tụng, anh có cung cấp cho Tòa biên bản họp gia đình ngày 01/01/2022 về việc anh được cha, mẹ tặng cho 6,5 công đất tằm lớn (1296m²/công) nhưng anh chưa được làm thủ tục đứng tên quyền sở hữu. Qua xác minh lời khai của ông Liên Văn Thành và bà Nguyễn Thị Khánh (là cha, mẹ ruột ông Tiễn) cho rằng phần đất ông, bà tặng cho anh T đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phú Tân để vay tiền nên chưa làm thủ tục cho anh T đứng tên quyền sử dụng. Đồng thời, ngày 07/01/2022 anh T có cung cấp cho Tòa đơn xin xác nhận thu nhập của anh mỗi ngày khoảng 600.000 đồng. Qua xác minh tại chính quyền địa phương ngày 02/6/2022 cho biết anh T chỉ có làm nghề đặt lú dưới sông mỗi ngày thu nhập khoảng 120.000đ đến 150.000đ ngoài ra không làm nghề gì khác. Với thu nhập của anh T như trên thì việc chăm sóc cho con, lo cuộc sống cho gia đình sẽ gặp nhiều khó khăn.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy chị M là người có đủ điều kiện nuôi con hơn anh T do chị M có mức thu nhập ổn định khoảng 10.000.000

đồng/tháng. Đối với cháu Liên Nhật Hhiện tại cháu trên 7 tuổi, ngày 09/3/2022 Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của cháu Hào nhưng nguyện vọng của cháu là sống cùng với cha, mẹ (BL 59). Mặc dù cháu Hào hiện đang do anh T nuôi dưỡng, nhưng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên giao cháu Liên Nhật Hcho chị M nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị M được nuôi cháu Liên Nhật H; Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh T.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa hôm nay chị M không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị M và anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Chúc M (Lê Chúc M) và anh Liên Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Liên Nhật H, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2015 cho chị Lê Chúc M (Lê Chúc M) trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Liên Văn T có nghĩa vụ giao cháu Liên Nhật H cho chị Lê Chúc M (Lê Chúc M) nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Lê Chúc M phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 11/11/2021, chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0017345 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu.

Chị Lê Chúc M (Mãi) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Liên Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã P, huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Bình